

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2025.

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - Ly hôn, nuôi con và
chia tài sản chung, nợ chung; đòi lại
tài sản; hợp đồng vay tài sản; hợp
đồng chuyển nhượng quyền sử dụng
đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thanh Thảo

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Quang Thanh

Ông Trần Văn Hải

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Phan Minh Trí - Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố Cao Lãnh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng
Tháp tham gia phiên tòa:** Bà La Thị Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 14 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân
thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số
381/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về
hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung; đòi
lại tài sản; hợp đồng vay tài sản; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng
đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2025/QĐXXST-HNGĐ,
ngày 01 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2025/QĐST-
HNGĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Lê Trần Yến T, sinh năm 1983;

Địa chỉ liên hệ: Số H, Đường C, Phường A, thành phố C, Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của chị Lê Trần Yến T (các yêu cầu về tài sản):
Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số E, đường N, phường
H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Là người đại diện theo uỷ quyền (theo Hợp

đồng uỷ quyền ngày 10/10/2024)

- *Bị đơn*: Bùi Thanh N, sinh năm 1979.

Địa chỉ liên hệ: Số F, đường L, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Đặng Hoàng Khánh V, sinh năm 1986;

Người đại diện hợp pháp của chị Đặng Hoàng Khánh V: Anh Bùi Thanh T2, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số F, đường L, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Là người đại diện theo uỷ quyền (theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 06/11/2024)

2. Bùi Thanh T2, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số F, đường L, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Bùi Văn H, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Số B, đường H, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Bùi Công T3, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số G, đường L, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2024, 13/8/2024, nguyên đơn Lê Trần Yến T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Thanh N kết hôn với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B (nay là Ủy ban nhân dân Phường A), thành phố C. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung với nhau có hạnh phúc, nhưng về sau thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn và cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N. Tại phiên tòa, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Bùi Thanh N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung tên Bùi Lê Thiên M, và Bùi Lê Thiên K cùng sinh ngày 25/11/2018, hiện đang sống chung với mẹ là chị T. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/02 con/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, chị thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Năm 2021, chị và anh N có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của chị Đặng Hoàng Khánh V diện tích 87,4m², thuộc thửa

54, tờ bản đồ số 25, tọa lạc Phường C, thành phố C, giá 50.000.000 đồng, do anh N đứng tên quyền sử dụng đất. Sau đó, chị T và anh N xây dựng nhà tại số C, đường P, Phường C, thành phố C, gia đình chung sống trong căn nhà được 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Chị yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn đối với đất và căn nhà trên đất tại số C, đường P, Phường C, thành phố C. Giá trị căn nhà theo chứng định thư thẩm định giá do chị cung cấp là 5.204.000.000 đồng (Năm tỷ hai trăm lẻ bốn triệu đồng). Chị yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà và đồng ý để anh N được sở hữu căn nhà.

Về nợ chung: Không thừa nhận các khoản nợ chung như yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Công T3, Bùi Văn H.

Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với chị Đặng Hoàng Khánh V: Không thống nhất giá trị chuyển nhượng là 800.000.000 đồng, chỉ thống nhất giá chuyển nhượng là 50.000.000 đồng.

Về việc đòi lại tài sản, trong thời gian chung sống, anh N có nợ bên ngoài, nên chị phải xuất tiền đưa cho anh N trả nợ với số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Nay chị T yêu cầu anh N trả lại cho chị T số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Tại phiên toà, chị T và chị T1 trình bày các yêu cầu về tài sản:

Về tài sản chung: Chị và anh Bùi Thanh N đã thoả thuận xong vì vậy chị rút yêu cầu chia tài sản chung đối với căn nhà và đất thuộc thửa 54, tờ bản đồ số 25, tọa lạc Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Về nợ chung: Chị và anh Bùi Thanh N đã thoả thuận xong về tài sản nên khoản nợ anh N vay của ông Bùi Công T3, Bùi Văn H không còn liên quan đến chị. Chị thống nhất việc rút yêu cầu của ông H, ông T3.

Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với chị Đặng Hoàng Khánh V: Chị và anh Bùi Thanh N đã thoả thuận xong về tài sản nên việc chuyển nhượng này không còn liên quan đến chị.

Về việc đòi lại tài sản, chị và anh N đã thoả thuận xong nên chị xin rút yêu cầu đòi lại tài sản số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Tại phiên toà, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu ai khác, thống nhất với Biên bản xem xét thẩm định, sơ đồ đo đạc ngày 22/10/2024, không có yêu cầu thẩm định, định giá lại; không có tranh chấp quan hệ pháp luật nào khác trong vụ án này.

Chị đồng ý tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc.

Tại phiên toà, bị đơn Bùi Thanh N trình bày, yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn trong hôn nhân. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Lê Trần Yến T.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung tên Bùi Lê Thiên M, và Bùi Lê Thiên K cùng sinh ngày 25/11/2018, hiện đang sống chung với mẹ là chị T. Sau khi ly hôn, anh thống nhất giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh không tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung, không có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị T đã thoả thuận xong về tài sản chung. Việc chị T rút yêu cầu chia tài sản chung đối với căn nhà và đất thuộc thửa 54, tờ bản đồ số 25, tọa lạc Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp anh thống nhất. Anh không có yêu cầu gì khác đối với tài sản chung.

Về nợ chung: Anh và chị T đã thoả thuận về tài sản chung nên số nợ ông Bùi Công T3, Bùi Văn H sẽ do anh và ông H, ông Tấn T4 thoả thuận, trường hợp không thoả thuận được sẽ khởi kiện thành vụ án khác, anh không yêu cầu chị T cùng liên đới trả với anh. Anh thống nhất việc rút yêu cầu của ông H, ông T3.

Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với chị Đặng Hoàng Khánh V: Anh và chị T đã thoả thuận về tài sản chung nên số tiền còn nợ chị Đặng Hoàng Khánh V khi chuyển nhượng thửa đất 54, tờ bản đồ số 25, tọa lạc Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp sẽ do anh và chị V tự thoả thuận, trường hợp không thoả thuận được sẽ khởi kiện thành vụ án khác, anh không yêu cầu chị T cùng liên đới với anh. Anh thống nhất việc rút yêu cầu của chị Đặng Hoàng Khánh V.

Về việc đòi lại tài sản, anh và chị T đã thoả thuận xong nên thống nhất với việc rút yêu cầu đòi lại tài sản số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) của chị T.

Tại phiên toà, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu ai khác, thống nhất với Biên bản xem xét thẩm định, sơ đồ đo đạc ngày 22/10/2024, không có yêu cầu thẩm định, định giá lại; không có tranh chấp quan hệ pháp luật nào khác trong vụ án này.

Thống nhất sự tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc của chị Lê Trần Yến T.

Tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn H trình bày: Giữa ông và anh N, chị T đã thoả thuận xong về nghĩa vụ trả số tiền vay

1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng) ngày 06/4/2021. Nay ông xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với anh Bùi Thanh N và chị Lê Trần Yến T về việc đòi số tiền vay 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng) ngày 06/4/2021. Ông và anh N sẽ tự thoả thuận, trường hợp không thoả thuận được ông sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Ông không còn yêu cầu chị Lê Trần Yến T liên đới với anh Bùi Thanh N. Ông không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu ai khác, không có tranh chấp quan hệ pháp luật nào khác trong vụ án này.

Tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Công T3 trình bày: Giữa ông và anh N, chị T đã thoả thuận xong về nghĩa vụ trả số tiền vay 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) ngày 10/8/2021. Nay ông xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với anh Bùi Thanh N và chị Lê Trần Yến T về việc đòi số tiền vay 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) ngày 10/8/2021. Ông và anh N sẽ tự thoả thuận, trường hợp không thoả thuận được ông sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Ông không còn yêu cầu chị Lê Trần Yến T liên đới với anh Bùi Thanh N. Ông không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu ai khác, không có tranh chấp quan hệ pháp luật nào khác trong vụ án này.

Tại phiên toà, anh Bùi Thanh T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đặng Hoàng Khánh V trình bày: Giữa chị V, anh T2 và anh N, chị T đã thoả thuận xong về nghĩa vụ trả số tiền còn nợ của việc chuyển nhượng thửa đất 54, tờ bản đồ số 25, tọa lạc Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Chị Đặng Hoàng Khánh V xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với anh Bùi Thanh N và chị Lê Trần Yến T về việc tiếp tục trả số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) còn nợ của Hợp đồng chuyển nhượng đất thửa đất 54, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Anh, chị V và anh N sẽ tự thoả thuận, trường hợp không thoả thuận được sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Không còn yêu cầu chị Lê Trần Yến T liên đới với anh Bùi Thanh N. Ngoài ra, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu ai khác, không có tranh chấp quan hệ pháp luật nào khác trong vụ án này.

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Chứng cứ do nguyên đơn nộp: Giấy khai sinh Bùi Lê Thiên K, Bùi Lê Thiên M (Bản sao); Trích lục kết hôn (Bản sao); CCCD của Lê Trần Yến T (Bản sao-chứng thực); Đơn xin xác nhận nơi cư trú ngày 22/02/2024 (Bản

chính); Vi bằng số 498 ngày 21/10/2024 (Bản chính); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bản photo); Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/3/2021 (Bản photo); Hợp đồng uỷ quyền ngày 10/10/2024 (Bản chính); Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần T6 số 403/2025/00171 ngày 20/01/2025 (bản chính).

Chứng cứ do bị đơn nộp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN642496 ngày 23/02/2024 (Bản sao chứng thực).

Chứng cứ do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp:

+ Ông Bùi Văn H: Biên nhận ngày 06/4/2021 (bản photo); CCCD của Bùi Văn H (bản sao chứng thực).

+ Ông Bùi Công T3: Biên nhận ngày 10/8/2021 (bản photo); CCCD của Bùi Công T3 (bản sao chứng thực).

+ Chị Đặng Hoàng Khánh V: Hợp đồng uỷ quyền ngày 06/11/2024 (bản chính); Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/3/2021 (bản sao chứng thực); CCCD của Bùi Thành T5, Đặng Hoàng Khánh V (bản sao chứng thực);

Chứng cứ do Tòa án thu thập: Hợp đồng đo đạc số 1420/HĐ.ĐĐ ngày 18/10/2024 (Bản chính); Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/10/2024 (Bản chính); Thủ tục niêm yết Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/10/2024 và Sơ đồ đo đạc ngày 22/10/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Bản chính); Công văn số 900/CNVPĐKĐĐTPCL-KTĐC ngày 21/3/2025 (bản chính)

* Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất:

Nguyên đơn Lê Trần Yến T và bị đơn Bùi Thanh N thỏa thuận tự nguyện ly hôn. Thống nhất về người trực tiếp nuôi con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung, đòi lại tài sản, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Các đương sự thống nhất rút yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp, không có yêu cầu ai khác, không tranh chấp quan hệ pháp luật nào khác; không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì khác, không có yêu cầu thẩm định, định giá lại.

* Các tình tiết vụ án các bên đương sự không thống nhất: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án

của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều đã thực hiện đúng với trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm, đường lối giải quyết vụ án, về hôn nhân, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Trần Yến T và anh Bùi Thanh N; Về con chung, giao hai con chung Bùi Lê Thiên M, và Bùi Lê Thiên K cùng sinh ngày 25/11/2018, cho chị Lê Trần Yến T trực tiếp nuôi dưỡng, các đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét; Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Lê Trần Yến T đối với nhà và đất thuộc thửa 54, tờ bản đồ số 25, tọa lạc Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu tranh chấp vay tài sản của ông Bùi Văn H đối với yêu cầu anh Bùi Thanh N và chị Lê Trần Yến T liên đới trả số tiền vay 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng) theo biên nhận ngày 06/4/2021; Đình chỉ yêu cầu tranh chấp vay tài sản của ông Bùi Công T3 đối với yêu cầu anh Bùi Thanh N và chị Lê Trần Yến T liên đới trả số tiền vay 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) theo biên nhận ngày 10/8/2021; Về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Đình chỉ yêu cầu tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của chị Đặng Hoàng Khánh V về việc yêu cầu anh Bùi Thanh N và chị Lê Trần Yến T liên đới trả số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) còn nợ của việc chuyển nhượng thửa đất 54, tờ bản đồ số 25, tọa lạc Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Về tranh chấp đòi lại tài sản: Đình chỉ yêu cầu của chị Lê Trần Yến T về việc yêu cầu anh Bùi Thanh N trả lại số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Các nội dung thoả thuận giữa anh N, ông H, ông T3, chị V, anh T5 sẽ khởi kiện thành vụ án khác khi có yêu cầu. Về việc giải quyết án phí và chi phí tố tụng đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là *“Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn,*

nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung; đòi lại tài sản; hợp đồng vay tài sản; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự tranh chấp về ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung; đòi lại tài sản; hợp đồng vay tài sản; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là các quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình, dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn Bùi Thanh N có địa chỉ tại Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa, các đương sự xác định ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp không còn tài liệu chứng cứ nào khác. Ngoài các yêu cầu đã trình bày, các đương sự xác định không tranh chấp nội dung nào khác và không yêu cầu ai khác. Các đương sự thống nhất sự tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc của chị Lê Trần Yến T.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Trần Yến T và anh Bùi Thanh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B (nay là Phường A), thành phố C, tỉnh Đồng Tháp ngày 24/7/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Tại phiên tòa, chị T và anh N cùng trình bày sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Khoảng hai năm nay, chị T và anh N không còn sống chung. Nhận thấy tình cảm giữa không còn, không thể hàn gắn được, cả chị T và anh N đều thống nhất ly hôn. Xét thấy, sự thuận tình ly hôn của chị Lê Trần Yến T và anh Bùi Thanh N là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Vì vậy, căn cứ Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thỏa thuận tự nguyện ly hôn của chị Lê Trần Yến T và anh Bùi Thanh N

Về con chung: Chị Lê Trần Yến T và anh Bùi Thanh N có hai con chung tên Bùi Lê Thiên M, và Bùi Lê Thiên K cùng sinh ngày 25/11/2018, hiện con chung đang sống chung với chị T. Chị Lê Trần Yến T và anh Bùi Thanh N thống nhất giao hai con chung là Bùi Lê Thiên M, và Bùi Lê Thiên K cùng sinh ngày 25/11/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị T và anh N không còn sống chung đến nay hai con chung đều sống chung với chị T thời gian dài, ổn định, phát triển tốt về mọi mặt. Đồng thời, chị T và anh N thống nhất giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi

đưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện thoả thuận về việc nuôi con chung giữa chị Lê Trần Yến T và anh Bùi Thanh N. Giao hai con chung tên Bùi Lê Thiên M, và Bùi Lê Thiên K cùng sinh ngày 25/11/2018 cho chị Lê Trần Yến T trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung:

Nguyên đơn Lê Trần Yến T rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung đối với căn nhà và đất thuộc thửa 54, tờ bản đồ số 25, tọa lạc Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì khác đối với việc rút yêu cầu của chị T. Xét thấy việc rút yêu cầu của chị T là tự nguyện, các đương sự trong vụ án đã tự thoả thuận xong, không vi phạm các điều cấm theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nợ chung:

Ông Bùi Văn H xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập đối với anh Bùi Thanh N và chị Lê Trần Yến T về nghĩa vụ trả số tiền vay 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng) theo Biên nhận ngày 06/4/2021. Xét thấy việc rút yêu cầu của ông H là tự nguyện, các đương sự trong vụ án đã tự thoả thuận xong, không vi phạm các điều cấm theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Bùi Công T3 xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập đối với anh Bùi Thanh N và chị Lê Trần Yến T về nghĩa vụ trả số tiền vay 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) theo Biên nhận ngày 10/8/2021. Xét thấy việc rút yêu cầu của ông T3 là tự nguyện, các đương sự trong vụ án đã tự thoả thuận xong, không vi phạm các điều cấm theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Chị Đặng Hoàng Khánh V xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với anh Bùi Thanh N và chị Lê Trần Yến T về việc tiếp tục trả số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) để thanh toán cho Hợp đồng chuyển nhượng đất thuộc thửa 54, tờ bản đồ số 25, tọa lạc Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Xét thấy việc rút yêu cầu của chị V là tự nguyện, các đương sự trong vụ án đã tự thoả thuận xong, không vi phạm các điều cấm theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tranh chấp đòi lại tài sản: Chị Lê Trần Yến T xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với anh Bùi Thanh N về việc đòi lại tài sản số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Xét thấy việc rút yêu cầu của chị T là tự nguyện, các đương sự trong vụ án đã tự thỏa thuận xong, không vi phạm các điều cấm theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nên chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử:

Công nhận sự thỏa thuận tự nguyện ly hôn của chị Lê Trần Yến T và anh Bùi Thanh N.

Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa chị Lê Trần Yến T và anh Bùi Thanh N. Giao hai con chung tên Bùi Lê Thiên M, và Bùi Lê Thiên K cùng sinh ngày 25/11/2018 cho chị Lê Trần Yến T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của chị Lê Trần Yến T đối với căn nhà và đất thuộc thửa 54, tờ bản đồ số 25, tọa lạc Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 217, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Bùi Văn H về việc tranh chấp vay tài sản đối với anh Bùi Thanh N và chị Lê Trần Yến T về nghĩa vụ trả số tiền vay 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng) theo Biên nhận ngày 06/4/2021 theo quy định tại Điều 217, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Bùi Công T3 về việc tranh chấp vay tài sản đối với anh Bùi Thanh N và chị Lê Trần Yến T về nghĩa vụ trả số tiền vay 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) theo Biên nhận ngày 10/8/2021 theo quy định tại Điều 217, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của chị Đặng Hoàng Khánh V về việc tranh chấp nghĩa vụ thanh toán số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) theo thỏa thuận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 54, tờ bản đồ số 25, tọa lạc Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 217, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đình chỉ yêu cầu đòi lại tài sản của chị Lê Trần Yến T về việc yêu cầu anh Bùi Thanh N trả lại số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) theo quy định tại Điều 217, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Nguyên đơn Lê Trần Yến T phải chịu án phí về việc chấp nhận yêu cầu ly hôn và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp đối với yêu cầu chia tài sản chung và đòi lại tài sản.

Bị đơn Bùi Thanh N không phải chịu án phí sơ thẩm.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Hoàng Khánh V số tiền tạm ứng án phí đã nộp đối với yêu cầu tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Công T3, Bùi Văn H thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại đ khoản 1, Điều 12 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và đã được Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh miễn nộp tạm ứng nên không xem xét.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc: Chấp nhận sự tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc của chị Lê Trần Yến T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 35, Điều 37, Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thoả thuận ly hôn của chị Lê Trần Yến T và anh Bùi Thanh N.

Về con chung: Chị Lê Trần Yến T và anh Bùi Thanh N có hai con chung tên Bùi Lê Thiên M, và Bùi Lê Thiên K cùng sinh ngày 25/11/2018, hiện con chung đang sống chung với chị Lê Trần Yến T. Công nhận sự tự nguyện thoả thuận về việc nuôi con chung giữa chị Lê Trần Yến T và anh Bùi Thanh N.

Giao hai con chung là Bùi Lê Thiên M, và Bùi Lê Thiên K cùng sinh ngày 25/11/2018 cho chị Lê Trần Yến T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Lê Trần Yến T đối với căn nhà và đất thuộc thửa 54, tờ bản đồ số 25, tọa lạc Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Về nợ chung:

Đình chỉ yêu cầu của ông Bùi Văn H về việc tranh chấp vay tài sản đối với anh Bùi Thanh N và chị Lê Trần Yến T về nghĩa vụ trả số tiền vay 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng) theo Biên nhận ngày 06/4/2021.

Đình chỉ yêu cầu của ông Bùi Công T3 về việc tranh chấp vay tài sản đối với anh Bùi Thanh N và chị Lê Trần Yến T về nghĩa vụ trả số tiền vay 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) theo Biên nhận ngày 10/8/2021.

Đình chỉ yêu cầu của chị Đặng Hoàng Khánh V về việc tranh chấp nghĩa vụ thanh toán số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) theo thỏa thuận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 54, tờ bản đồ số 25, tọa lạc Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp với anh Bùi Thanh N và chị Lê Trần Yến T.

Đình chỉ yêu cầu của chị Lê Trần Yến T về việc tranh chấp đòi lại tài sản số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) với anh Bùi Thanh N.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc: Công nhận sự tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc của chị Lê Trần Yến T số tiền 4.232.000 đồng. Chị Lê Trần Yến T đã nộp tạm ứng và chi xong.

Về án phí: Chị Lê Trần Yến T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009563 ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Anh Bùi Thanh N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Trả lại cho chị Lê Trần Yến T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 53.000.000 đồng (Năm mươi ba triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012559 ngày 13/8/2024 và số tiền 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013092 ngày 26/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trả lại cho chị Đặng Hoàng Khánh V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013081 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Bùi Công T3, ông Bùi Văn H thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại đ khoản 1, Điều 12 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và đã được Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh miễn nộp tạm ứng nên không xem xét.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND TPCL;
- Chi cục THADS TPCL;
- UBND Phường 1, Tp Cao Lãnh, ĐT (số 31 ngày 24/7/2018);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thanh Thảo

